

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ GIANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2020.

V/v xin ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sùng Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trần Đức Thọ

2. Ông Nguyễn Văn Phiến .

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Yên - Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang : không tham gia phiên tòa

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại Hội trường xét xử dân sự Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX-ST, ngày 27 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/ QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Hồng S (*Vắng mặt có lý do*)

2. Bị đơn: Chị Trần Thị H (*Vắng mặt có lý do*)

Địa chỉ: Cùng trú tại tổ 08, phường N, thành phố H, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 22/10/2020, bản tự khai ngày 27/10/2020 và quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Vũ Hồng S trình bày: Anh và chị Trần Thị H đăng ký kết hôn ngày 04/6/1991, tại UBND thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Tuyên(nay là tỉnh Hà Giang). Việc kết hôn là do tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau kết hôn vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn, đến đầu năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn, dẫn đến bất đồng cả về tình cảm. Từ đó đến nay anh chị vẫn luôn cố gắng cải thiện tình cảm nhưng không hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng lớn, hiện anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến

nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể khắc phục được, anh S làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung anh chị có 02 con chung cháu Vũ Duy L; sinh năm 1991 (*đã trưởng thành*) và cháu Vũ Bích L sinh ngày 03/4/2004. Ly hôn anh S đề nghị được giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 12/11/2020 bị đơn chị Trần Thị H xác nhận: Vợ chồng anh chị đăng ký kết hôn ngày 04/6/1991 có đăng ký kết hôn tại UBND thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Tuyên, kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh S, chị H chung sống hạnh phúc, tuy nhiên những năm gần đây do công việc làm ăn bị thua lỗ nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, từ năm 2015 đến nay chị H đi làm ăn xa, không thường xuyên có mặt ở nhà, không có thời gian quan tâm, chăm sóc gia đình, con cái. Anh chị đã sống ly thân được 4 năm nay, mâu thuẫn không khắc phục được, con cái thường xuyên chứng kiến bố mẹ cãi vã, đánh nhau. Mâu thuẫn ngày càng lớn do không thống nhất được quan điểm về công việc làm ăn và nuôi dạy con cái. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân nhiều mâu thuẫn, áp lực, do vậy anh S có đơn xin ly hôn với chị, quan điểm của chị nhất trí ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị H xác nhận anh chị có hai con chung là cháu Vũ Duy L, sinh năm 1991, hiện nay cháu đã trưởng thành, không xem xét giải quyết và cháu Vũ Bích Loan sinh ngày 03/4/2004. Sau khi ly hôn chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Loan, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi cháu Loan.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

* Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chị H có yêu cầu trong bản khai xin được vắng mặt vì lý do bận đi làm ăn xa không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn, chị xin được vắng mặt, chị H xin giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại bản tự khai ngày 12/11/2020. Anh S có mặt, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì hiện nay chị H không có mặt ở địa phương, anh S đã thông báo và chuyển cho chị H các giấy tờ của Tòa án, chị H đều biết và nắm được. Do vậy đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại biên bản ghi ý kiến nguyện vọng con chung ngày 09/11/2020 cháu Vũ Bích Loan, sinh ngày 03/4/2004 là con chung của anh S và chị H cho biết, trong trường hợp bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu. Tuy nhiên đến ngày 09/12/2020 cháu L thay đổi nguyện vọng trong trường hợp bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được sống với bố vì mẹ cháu đi làm ăn xa không ở nhà.

* Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh S và chị H cùng cư trú tại tổ 08, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, anh S xin ly hôn chị H. Theo quy định tại Điều 28, điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị H có yêu cầu xin vắng mặt, tại phiên tòa hôm nay anh S Chị H đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là đảm bảo đúng theo trình tự tố tụng.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Đây là vụ án xin ly hôn các đương sự yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung. Như vậy xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình, được quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về yêu cầu xin ly hôn: Anh Vũ Hồng S và chị Trần Thị H đăng ký kết hôn ngày 04/6/1991 có đăng ký kết hôn tại UBND thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Tuyên(*Nay là tỉnh Hà Giang*), do tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa anh S và chị H là hợp pháp.

Lý do anh S xin ly hôn là trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn dẫn đến bất đồng cả về tình cảm. Từ đó vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân. Anh S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn đã làm đơn xin ly hôn với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của anh S là phù hợp bởi lẽ: Quá trình chung sống anh S và chị H không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn, không khắc phục được tình cảm. Bản thân chị H cũng thừa nhận anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn trong quá trình chung sống, hay bất đồng quan điểm. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”, nhưng giữa hai anh chị không có sự quan tâm, chia sẻ chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Tại bản tự khai cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt chị H đều xác nhận vợ chồng anh chị thường xuyên cãi, chửi nhau, xúc phạm nhau làm ảnh hưởng đến tâm lý cả hai bên và con cái, hiện nay anh chị đã sống ly thân 4-5 năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên chị H nhất trí ly hôn với anh S. Như vậy, xét về tình cảm vợ chồng anh S, chị H đã bị sút mẻ, sống ly thân hơn nửa hiện nay chị H không có mặt ở nơi cư trú, không cùng nhau nuôi dạy con cái và vun vén gia đình, tình cảm vợ chồng không cải thiện được, nếu cố níu kéo để cho anh chị quay lại đoàn tụ chung sống với nhau thì cũng không có hạnh phúc mà còn ảnh hưởng đến cuộc sống sau này cho cả hai bên. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh S, áp dụng

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh S được ly hôn với chị H đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng anh S, chị H có 02 con chung tên là Vũ Duy L, sinh năm 1991 cháu L đã trưởng thành và cháu Vũ Bích L sinh ngày 03/4/2004. cháu L đang ở cùng với anh S. Căn cứ vào điều kiện thực tế của các bên, hiện nay chị H đi làm ăn ở xa, không có mặt ở nhà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Loan mà có nhờ chị gái chị H nuôi dưỡng; anh S hiện đang chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Loan, có thời gian chăm sóc con; căn cứ vào nguyện vọng của cháu L sống với bố là phù hợp với quy định của pháp luật. Việc chị H có yêu cầu được nuôi cháu L nhưng chị H lại nhờ chị gái chị H nuôi dưỡng, chị không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu L, bản thân chị H đang đi làm ăn xa, không có mặt ở nhà, không có thời gian quan tâm, chăm sóc cháu L, nên chấp nhận nguyện vọng của cháu L về việc sống với bố. Xét cần giao cho anh S nuôi con là phù hợp với điều kiện thực tế và đúng quy định của pháp luật. Anh S không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[3.4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, anh S phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 207, khoản 1 Điều 227; Khoản 4, Điều 147; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của anh Vũ Hồng S.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Hồng S được ly hôn với chị Trần Thị H.

3. Về con chung: Giao cháu Vũ Bích L, sinh ngày 03/4/2004 cho anh Vũ Hồng S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu L đến khi đủ 18 tuổi. Chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị H có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom chăm sóc con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Anh Vũ Hồng S phải chịu 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền anh S đã nộp tại Chi cục

Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 0002323 ngày 27/10/2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm ly hôn nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niên yết bản án./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- VKSNDTPHG;
- TAND tỉnh HG;
- Phòng tư pháp TP;
- Các đương sự;
- C.C THA TP;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

Sùng Thị Mai